

Số: 05/2021/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Đỗ Xuân N, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10 tháng 7 năm 2019. Nên hôn nhân của anh N và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh N và chị T chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống.

Đến nay, cả anh N và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N và chị T.

Xét thấy, việc anh N và chị T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T có 01 con chung là cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 11/3/2020. Ly hôn, anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Đỗ Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thỏa thuận, thống nhất nêu trên của anh N và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Việc thỏa thuận, thống nhất nêu trên của anh N và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất anh Đỗ Xuân N có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Nhật A, sinh ngày 11/3/2020 đến khi thành niên. Anh Đỗ Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân N và chị Phạm Thị T thỏa thuận, thống nhất anh Đỗ Xuân N có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0001760 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đỗ Xuân N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Công Mười**